

Số: 63/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 4245/TTr-UBND ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Chuyển các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 2 thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 nhưng chưa thực hiện trong năm 2017 sang thực hiện trong các năm tiếp theo theo quy định tại Khoản 3, Điều 49 Luật Đất đai và Khoản 11, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, như sau:

2.1. Công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018 thuộc Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013:

a) Tổng số có 285 công trình, dự án cần thu hồi đất, với diện tích khoảng 305,17 ha; tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng 830.015,44 triệu đồng.

b) Tổng số có 107 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích khoảng 93,1 ha, gồm: 102 công trình, dự án sử dụng đất trồng lúa, diện tích 92,26 ha; 05 công trình, dự án sử dụng đất rừng phòng hộ, diện tích 0,84 ha.

c) HĐND tỉnh thống nhất đề UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất lúa thực hiện 01 công trình, dự án với diện tích 15,0 ha.

2.2. Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018 không thuộc Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai nhưng thuộc Điều b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013:

Tổng số có 12 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích khoảng 21 ha; trong đó có 11 công trình, dự án sử dụng đất trồng lúa, diện tích 17,51 ha và 01 công trình, dự án sử dụng đất rừng phòng hộ, diện tích 3,49 ha.

(Đính kèm Danh mục)

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ: TN và MT, KH và ĐT;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
A	Các công trình, dự án thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác	305,17	93,10	92,26	0,84	830.015,44					
I	Huyện Cầu Kè	94,37	3,59	3,59	0,00	175.990,40					
1	Cụm công nghiệp An Phú Tân	20,00	0,00	0,00	0,00	40.000,00	Ngân sách	Xã An Phú Tân	Quyết định 1967/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh		
2	Nhà bia tưởng niệm	0,01	0,00	0,00	0,00	16,40	Ngân sách	TT Cầu Kè	Nhu cầu địa phương		
3	Mở rộng Trạm y tế TT.Cầu Kè	0,13	0,00	0,00	0,00	260,00	Ngân sách	TT.Cầu Kè	Nhu cầu địa phương		
4	Sân vận động xã Thanh Phú (ấp 3)	0,45	0,00	0,00	0,00	738,00	Ngân sách	Xã Thanh Phú	Nhu cầu địa phương		
5	Mở rộng Trường THPT Phong Phú	0,30	0,00	0,00	0,00	600,00	Ngân sách	Xã Phong Phú	Nhu cầu địa phương		
6	Xây dựng đường vào chợ Cầu Kè	0,03	0,00	0,00	0,00	49,20	Ngân sách	TT.Cầu Kè	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND 19/7/2017 của HĐND huyện	Gọi tắt Nghị quyết số 48/NQ-HĐND	
7	Đường vào sân vận động huyện Cầu Kè	0,06	0,00	0,00	0,00	120,00	Ngân sách	TT.Cầu Kè	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND		
8	Đê bao kết hợp đường giao thông nông thôn ấp Trà Ôt, xã Thông Hòa	0,53	0,00	0,00	0,00	869,20	Ngân sách	Xã Thông Hòa	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND		
9	Bờ bao Trà Mệt (nối với đê bao Rạch Nghệ-Trà Mệt)	0,91	0,00	0,00	0,00	1.820,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND		
10	Bờ bao Tư Lâm, ấp Ô Mịch, xã Châu Điện	0,15	0,00	0,00	0,00	246,00	Ngân sách	Xã Châu Điện	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND		
11	Nạo vét kênh Công Chảo	3,25	0,00	0,00	0,00	6.500,00	Ngân sách	Xã Phong Thạnh	Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND		
12	Hệ thống thủy lợi Mỹ Văn-Rùm Sóc-Cái Hóp	6,40	0,00	0,00	0,00	10.496,00	Ngân sách	Xã An Phú Tân	Nhu cầu địa phương		

13	GTNT áp Rạch Nghệ - Trà Mệt (bờ tây sông Trà Mệt)	0,23	0,00	0,00	0,00	460,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
14	GTNT áp Trà Ôt (bờ nam kênh Tổng Tôn)	0,94	0,04	0,04	0,00	1.541,60	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
15	GTNT áp Trà Mệt (bờ đông kênh Tám Tùng)	0,23	0,08	0,08	0,00	460,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
16	GTNT áp Trà Ôt (cấp kênh Hai Kiếm)	0,12	0,03	0,03	0,00	196,80	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
17	GTNT áp Hội An (cấp kênh 6A)	0,34	0,02	0,02	0,00	680,00	Ngân sách	Xã Hòa Tân		Nhu cầu địa phương
18	GTNT áp An Bình - Hội An (An Phú Tân - Ninh Thới)	0,62	0,00	0,00	0,00	1.016,80	Ngân sách	Xã Hòa Tân		Nhu cầu địa phương
19	GTNT áp Xẻo Cạn, Bà Bảy, Rạch Đùi, Vàm Đình	0,72	0,00	0,00	0,00	1.440,00	Ngân sách	Xã Ninh Thới		Nhu cầu địa phương
20	GTNT áp Ô Tung B (tuyến lộ Bá Tú)	0,48	0,05	0,05	0,00	787,20	Ngân sách	Xã Châu Điền		Nhu cầu địa phương
21	GTNT áp Bung Lớn A (HL32 đến giáp Rạch Nghệ)	0,12	0,00	0,00	0,00	240,00	Ngân sách	Xã Tam Ngãi		Nhu cầu địa phương
22	GTNT áp Rạch Nghệ (bờ đông kênh La Rì)	0,62	0,02	0,02	0,00	1.016,80	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
23	Đường đai Tô 3C	0,06	0,00	0,00	0,00	120,00	Ngân sách	Xã Phong Phú		Nhu cầu địa phương
24	Đường 6 Cạn từ HL 33 - sông Tổng Tôn	0,05	0,01	0,01	0,00	82,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
25	Đường 6 Minh từ nhà bé Ba đến ngã 4 Ô Chích	0,20	0,12	0,12	0,00	400,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
26	Đường từ ngã 3 Trường học đến Hòa Ân	0,03	0,00	0,00	0,00	49,20	Ngân sách	Xã Thông Hòa		Nhu cầu địa phương
27	Đường nhựa từ TL 915 đến Ba Mến	0,38	0,00	0,00	0,00	760,00	Ngân sách	Xã Ninh Thới		Nhu cầu địa phương
28	Đường nhựa từ Bảy Kết đến Hai Quang	0,13	0,00	0,00	0,00	213,20	Ngân sách	Xã Ninh Thới		Nhu cầu địa phương
29	Đường nhựa liên ấp Ô Tung A-Ô Mịch-Rùm Sóc	2,17	1,37	1,37	0,00	4.340,00	Ngân sách	Xã Châu Điền		Nhu cầu địa phương
30	Đường Đanl QL54 đến Ô Mịch	0,07	0,07	0,07	0,00	114,80	Ngân sách	Xã Châu Điền		Nhu cầu địa phương
31	Đường nhựa liên ấp Cà Chương-Xóm Giữa-Áp III	0,55	0,15	0,15	0,00	1.100,00	Ngân sách	Xã Phong Thạnh		Nhu cầu địa phương
32	Đường Đanl từ trụ sở Xóm Giữa đến 9 Thi	0,16	0,00	0,00	0,00	262,40	Ngân sách	Xã Phong Thạnh		Nhu cầu địa phương
33	Đường Đanl từ Trần Văn Kè đến Hồ Văn Ngon	0,13	0,00	0,00	0,00	260,00	Ngân sách	Xã Phong Thạnh		Nhu cầu địa phương
34	Đường 5 Dện đến Chàm Bản (lộ bờ Nam)	0,57	0,20	0,20	0,00	934,80	Ngân sách	Xã Hòa Tân		Nhu cầu địa phương

35	Đường Đan An Lộ	0,40	0,00	0,00	0,00	800,00	Ngân sách	Xã Hòa Tân		Nhu cầu địa phương	
36	Đường liên xã Tam Ngãi - Thông Hòa, huyện Cầu Kè	2,83	0,00	0,00	0,00	15.000,00	Ngân sách	xã Tam Ngãi - Thông Hòa		NQ số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/17 và QĐ số 1474/QĐ-UBND 04/8/17	SGT
37	Cụm Công nghiệp Vàm Bến Cát (Nghị quyết 25: Khu liên hợp Cảng Trường Giang (2016: 10 ha, 2017: 40 ha))	50,00	1,43	1,43	0,00	82.000,00	Doanh nghiệp	Xã An Phú Tân		Nghị quyết 25: Khu liên hợp Cảng Trường Giang (2016: 10 ha, 2017: 40 ha)	(Trong đó: Cty TNHH MTV đóng tàu Vạn Phước 10 ha; Công ty xăng dầu 10 ha; Khu liên hợp Cảng Trường Giang 20,00 ha)
II	Huyện Cầu Ngang	33,51	20,19	20,19	0,00	100.520,85					
1	Quy hoạch mới cụm tiểu thủ công nghiệp	6,00	6,00	6,00	0,00	18.000,00	Ngân sách	Xã Long Sơn		Nhu cầu ngành	
2	Quy hoạch mới cụm tiểu thủ công nghiệp	5,00	5,00	5,00	0,00	15.000,00	Ngân sách	Xã Mỹ Long Bắc		Nhu cầu ngành	
3	Mở rộng trường mẫu giáo Thạnh Hòa Sơn	0,10	0,00	0,00	0,00	300,00	Ngân sách	Xã Thạnh Hòa Sơn		Nhu cầu ngành	
4	Mở rộng trường tiểu học Thạnh Hòa Sơn A	0,30	0,00	0,00	0,00	900,00	Ngân sách	Xã Thạnh Hòa Sơn		Nhu cầu ngành	
5	Trường Mẫu giáo Mỹ Long Nam (điểm áp 3)	0,50	0,00	0,00	0,00	1.500,00	Ngân sách	Xã Mỹ Long Nam		Nhu cầu ngành	
6	Sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	1,40	1,40	1,40	0,00	4.200,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông		Nhu cầu địa phương	
7	Đường Giồng Nôi (Từ nhà ông Lâm đến nhà Chín Chân)	0,04	0,00	0,00	0,00	120,00	Ngân sách	Xã Thuận Hòa		Nhu cầu địa phương	
8	Đường ấp Thuận Hiệp (Từ công Ông Tà đến nhà Út Thiên)	0,18	0,05	0,05	0,00	540,00	Ngân sách	Xã Thuận Hòa		Nhu cầu địa phương	
9	Đường Nô Công về ấp Rạch (Từ QL53 đến ấp rạch)	0,32	0,11	0,11	0,00	960,00	Ngân sách	Xã Thuận Hòa		Nhu cầu địa phương	
10	Đường nhựa nhà chú Út Đức (Từ QL53 đến nhà chú 3 Hoà)	0,04	0,00	0,00	0,00	120,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương	
11	Nâng cấp đường đal sau bến xe (Từ QL53 đến cầu 30/4)	0,03	0,00	0,00	0,00	90,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương	
12	Nâng cấp đường đal lộ Trám Bầu (Từ QL53 đến đường Trần Thành Đại)	0,02	0,00	0,00	0,00	60,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương	
13	Đường đal sau nhà thuốc Thuận Xương (sau nhà thuốc Thuận Xương)	0,01	0,00	0,00	0,00	30,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương	
14	Mở mới đường Mỹ Hòa - Hương Lộ 17 (Từ đường Mỹ Hòa đến Hương Lộ 17)	1,82	0,60	0,60	0,00	5.460,00	Ngân sách	Xã Hiệp Hòa		Nhu cầu địa phương	

15	Nâng cấp Đường kinh tế mới (không thu hồi đất, nâng cấp trên nền đất cũ; Điểm đầu: Nhà Ông Thạnh Liệt- Điểm cuối: giáp kênh cấp II)	0,50	0,00	0,00	0,00	1.500,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Nhu cầu địa phương
16	Nâng cấp đường Nô Pộc (không thu hồi đất, nâng cấp trên nền đất cũ)	0,50	0,00	0,00	0,00	1.500,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Nhu cầu địa phương
17	Nâng cấp đường Giồng Chanh (nâng cấp trên nền cũ)	1,05	0,00	0,00	0,00	3.150,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Nhu cầu địa phương
18	Nâng cấp đường sau chùa con Xoài (không thu hồi đất, nâng cấp trên nền đất cũ; Điểm đầu chùa con Xoài điểm cuối nhà bà Tân Thị Thu Hai)	0,35	0,00	0,00	0,00	1.050,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Nhu cầu địa phương
19	Nâng cấp đường Nhựa Cấn Nôm (kênh Xáng) - (không thu hồi đất, nâng cấp trên nền đất cũ; Điểm đầu: cầu Cấn Nôm điểm cuối nhà ông Thạch Kỳ)	0,50	0,00	0,00	0,00	1.500,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Nhu cầu địa phương
20	Đường giao thông liên xã (Hiệp Hòa - Mỹ Hòa)	3,00	1,40	1,40	0,00	9.000,00	Ngân sách	Xã Hiệp Hòa, xã Mỹ Hòa		Nhu cầu địa phương
21	Mở rộng đường bờ kênh N12	0,53	0,00	0,00	0,00	1.593,00	Ngân sách	Xã Thanh Hòa Sơn		Nhu cầu địa phương
22	Mở rộng đường bờ kênh N11	0,26	0,00	0,00	0,00	771,75	Ngân sách	Xã Thanh Hòa Sơn		Nhu cầu địa phương
23	Mở mới đường nhà Thạch Chal - cầu số 7	0,19	0,13	0,13	0,00	558,00	Ngân sách	Xã Thanh Hòa Sơn		Nhu cầu địa phương
24	Đường Đan Kênh ĐTN11	1,30	0,00	0,00	0,00	3.900,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông		Nhu cầu địa phương
25	Đường nhựa từ Bờ Lớn đến cầu Khúc Ngay	0,60	0,00	0,00	0,00	1.800,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông		Nhu cầu địa phương
26	Đường Đan Thống Nhất	0,23	0,09	0,09	0,00	675,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương
27	QH đất ở 2 bên đường Sơn Vọng	0,81	0,45	0,45	0,00	2.422,50	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương
28	Mở mới kênh cấp 3	0,42	0,00	0,00	0,00	1.260,00	Ngân sách	Xã Nhị Trường		Nhu cầu địa phương
29	Mở mới nối kênh cấp 3 cũ	0,31	0,00	0,00	0,00	930,00	Ngân sách	TT. Mỹ Long		Nhu cầu địa phương
30	Mở mới kênh cấp 2 ấp Hoà Hưng	0,78	0,78	0,78	0,00	2.340,00	Ngân sách	Xã Mỹ Hòa		Nhu cầu ngành
31	Cầu cống Mười U	0,01	0,00	0,00	0,00	30,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông		Nhu cầu ngành

32	Khu hành chính mới huyện Cầu Ngang (6,11ha, trừ Bảo hiểm XH 0,14ha)	5,97	4,18	4,18	0,00	17.910,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu địa phương	
33	Bảo hiểm xã hội huyện	0,14	0,00	0,00	0,00	420,00	Ngân sách	Xã Mỹ Hòa		QĐ 1250-BHXH VN ngày 19/7/2017	
34	Chi cục thuế huyện Cầu Ngang	0,20	0,00	0,00	0,00	600,00	Ngân sách	TT. Cầu Ngang		Nhu cầu ngành	
35	Xây dựng mới Nhà văn hóa ấp Giồng Chanh	0,08	0,00	0,00	0,00	228,60	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Xây dựng nông thôn mới	
36	Xây dựng mới Nhà văn hóa ấp Nô Pôk	0,02	0,00	0,00	0,00	57,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Xây dựng nông thôn mới	
37	Xây dựng mới Nhà văn hóa ấp Cóc Xoài	0,02	0,00	0,00	0,00	45,00	Ngân sách	Xã Trường Thọ		Xây dựng nông thôn mới	
III	Huyện Càng Long	19,69	5,42	5,42	0,00	33.635,39					
1	Mở rộng trường trung học cơ sở An Trường A	0,10	0,10	0,10	0,00	180,00	Ngân sách	An Trường A	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 04/08/2017 của UBND huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2018	Gọi tắt là Báo cáo số 196/BC-UBND
2	Đường nhựa Giồng Giữa ấp Nguyệt Lăng A	0,30	0,00	0,00	0,00	600,00	Vốn SME	Bình Phú	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
3	Đường nhựa kênh 3 xã (Cây Cách - Nguyệt Trường)	0,60	0,50	0,50	0,00	1.080,00	Vốn SME	Bình Phú	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
4	Xây dựng đường đat ấp Chợ - Dầu Giồng	0,06	0,06	0,06	0,00	120,00	Ngân sách	Phương Thạnh	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
5	Xây dựng đường nhựa Rạch Chùa - Rạch Ôi (GD 3)	0,04	0,04	0,04	0,00	72,00	Ngân sách	Phương Thạnh	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
6	Xây dựng đường nhựa kênh Tư Bình	0,15	0,15	0,15	0,00	300,00	Ngân sách	Phương Thạnh	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
7	Nâng cấp đường kênh N25	0,30	0,30	0,30	0,00	540,00	Ngân sách Tỉnh	Phương Thạnh	Sở giao thông	Ngành GTVT	
8	Nâng cấp tuyến đường ấp Hưng Nhượng A, Hưng Nhượng B	0,72	0,00	0,00	0,00	1.440,00	Ngân sách	Phương Thạnh	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND	
9	Đường đat Cầu Hoàng Vũ đến bờ bao	0,13	0,07	0,07	0,00	234,00	Vốn ND 35	Tân An	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
10	Đường đat kênh Tư Ôn	0,64	0,30	0,30	0,00	1.280,00	Ngân sách	Tân Bình	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	

11	Đường nhựa GTNT áp Trà Ôn	0,18	0,10	0,10	0,00	324,00	Ngân sách	Huyện Hội	Ban QLDA	Nhu cầu địa phương
12	Đường nhựa áp Đức Mỹ (Từ Cty Trà Bắc đến 9 Sen)	0,20	0,00	0,00	0,00	400,00	Ngân sách	Đức Mỹ	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
13	Đường tổ 4 áp Long Sơn - áp Đức Mỹ A	0,22	0,00	0,00	0,00	396,00	Vốn SME	Đức Mỹ	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND
14	Đường nhựa áp Địa Đầy	0,24	0,24	0,24	0,00	480,00	Ngân sách	An Trường A	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
15	Nâng cấp đường Kênh Xuông	0,45	0,10	0,10	0,00	810,00	Ngân sách	An Trường A	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
16	Đường Trung kiên - 9A	1,05	0,00	0,00	0,00	2.100,00	SME	An Trường A	UBND xã	Báo cáo số 196/BC-UBND
17	Đường Bờ Cống	0,35	0,35	0,35	0,00	630,00	Ngân sách	Đại Phúc	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
18	Đường đal kênh 2 Khuyến	0,33	0,32	0,32	0,00	660,00	Xây dựng nông thôn mới	Huyện Hội	UBND xã	Nhu cầu địa phương
19	Đường nhựa cống lộ dương	0,35	0,00	0,00	0,00	630,00	Ngân sách+ Xã hội hóa	Huyện Hội	UBND xã	Nhu cầu địa phương
20	Đường nhựa kênh B	0,15	0,09	0,09	0,00	300,00	Xây dựng nông thôn mới	Huyện Hội	UBND xã	Nhu cầu địa phương
21	Đường nhựa Tân An - Huyện Hội	0,10	0,00	0,00	0,00	180,00	Ngân sách	Huyện Hội	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
22	Đường Rạch Sen áp Trung	0,15	0,00	0,00	0,00	300,00	Ngân sách+ Xã hội hóa	Đại Phước	UBND xã	Nhu cầu địa phương
23	Đường Bờ Tây (Nhánh 2)	0,30	0,10	0,10	0,00	540,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
24	Đường đal Vàm Sơn Trắng	0,50	0,20	0,20	0,00	900,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
25	Cầu Đinh Đôi	0,10	0,00	0,00	0,00	180,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
26	Đường đal Hiệp Phú	0,10	0,06	0,06	0,00	200,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND
27	Đường đal Trầm Cụt (GD 2)	0,15	0,10	0,10	0,00	270,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND

28	Đường nhựa từ nhà Ứt Diễn ra khóm 8	0,15	0,00	0,00	0,00	300,00	Ngân sách	TT Càng Long	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	
29	Đường nhựa khóm 8 (đường trục chính đi ngang trụ sở)	0,20	0,05	0,05	0,00	360,00	Ngân sách	TT Càng Long	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	
30	Đường khóm 10	0,10	0,00	0,00	0,00	200,00	Ngân sách	TT Càng Long	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	
31	Cầu Ba xã	1,78	0,00	0,00	0,00	2.460,00	Ngân sách	Phước Thành	BQLDA 6	856/SGTVT-KHTC ngày 06/10/2017	SGT
32	Đường dẫn vào cầu để kết nối dự án LRAMP (dự án thành phần 6)	2,04	0,00	0,00	0,00	577,19	Ngân sách	Huyện Càng Long	BQLDA 4	22/NQ-HĐND và 431/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	SGT
33	Xây dựng đường đến xã An Trường - An Trường A, huyện Càng Long	0,76	0,00	0,00	0,00	97,00	Ngân sách	An Trường - An Trường A	BQLDA	44/NQ-HĐND và 1474/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	SGT
34	Cầu Xéo Cừ	0,29	0,00	0,00	0,00	1.660,00	Ngân sách	Bình Phú	BQLDA 6	Công văn số 3897/TCĐB-CQLXĐDB ngày 29/6/2017	SGT
35	Cầu Giồng Bèn	0,37	0,00	0,00	0,00	1.520,00	Ngân sách	Huyện Hội	BQLDA		SGT
36	Đê bao áp Cầu Đúc	0,06	0,00	0,00	0,00	120,00	Xây dựng nông thôn mới	Nhị Long Phú	UBND xã		Nhu cầu địa phương
37	Kênh Chử Thập 2 (GD 2)	3,74	0,50	0,50	0,00	6.881,60	Ngân sách+ Xã hội hóa	Nhị Long Phú	Phòng NN và PTNT		Nhu cầu địa phương
38	Mở rộng kênh Bảy Hăng	0,80	0,60	0,60	0,00	1.600,00	Ngân sách huyện + Xã hội hóa	Tân Bình	UBND xã		Nhu cầu địa phương
39	Nhà văn hóa xã An Trường A	0,10	0,10	0,10	0,00	184,00	Ngân sách	An Trường A	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	
40	Công trình mở rộng trường THPT Nguyễn Văn Hai	0,40	0,40	0,40	0,00	736,00	Ngân sách huyện	Bình Phú	UBND huyện		
41	Ban CHQS xã An Trường A	0,19	0,19	0,19	0,00	349,60	Ngân sách huyện				
42	Bãi rác tập trung xã Nhị Long	0,40	0,40	0,40	0,00	800,00	Ngân sách	Nhị Long	Ban QLDA	Báo cáo số 196/BC-UBND	
43	Hội phật giáo (Giao đất)	0,35	0,00	0,00	0,00	644,00		TT. Càng Long		Hội Phật giáo	
IV	Huyện Châu Thành	3,18	2,00	2,00	0,00	5.191,00					

1	Nhà Văn hóa ấp Ba Tiêu, xã Đa Lộc	0,03	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Đa Lộc	UBND xã Đa Lộc	Nhu cầu địa phương	
2	Nhà Văn hóa ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc	0,03	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Đa Lộc	UBND xã Đa Lộc	Nhu cầu địa phương	
3	Nhà Văn hóa ấp Thanh Trì B, xã Đa Lộc	0,03	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Đa Lộc	UBND xã Đa Lộc	Nhu cầu địa phương	
4	Nhà Văn hóa ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo	0,03	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Phước Hảo	UBND xã Phước Hảo	Nhu cầu địa phương	
5	Nhà Văn hóa ấp Đại Thôn, xã Phước Hảo	0,03	0,03	0,03	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Phước Hảo	UBND xã Phước Hảo	Nhu cầu địa phương	
6	Nhà Văn hóa ấp Ô Chích A, xã Lương Hòa	0,03	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Lương Hòa	UBND xã Lương Hòa	Nhu cầu địa phương	
7	Nhà Văn hóa ấp Chà Dư, xã Lương Hòa A	0,03	0,03	0,03	0,00	65,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Lương Hòa A	UBND xã Lương Hòa A	Nhu cầu địa phương	
8	Nhà Văn hóa ấp Ô Bắp, xã Lương Hòa A	0,03	0,03	0,03	0,00	65,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Lương Hòa A	UBND xã Lương Hòa A	Nhu cầu địa phương	
9	Nhà Văn hóa ấp Đại Tền, xã Lương Hòa A	0,03	0,03	0,03	0,00	65,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Lương Hòa A	UBND xã Lương Hòa A	Nhu cầu địa phương	
10	Nhà Văn hóa ấp Hòa Lạc A, xã Lương Hòa A	0,03	0,03	0,03	0,00	60,00	Ngân sách (XD NTM)	xã Lương Hòa A	UBND xã Lương Hòa A	Nhu cầu địa phương	
11	Bồi thường, GPMB Trường Trung học cơ sở Hòa Thuận, xã Hòa Thuận	0,20	0,00	0,00	0,00	800,00	Xổ số kiến thiết 2018	xã Hòa Thuận	Phòng GDĐT	Nhu cầu ngành	
12	Bồi thường, GPMB Trường Tiểu học Song Lộc A, xã Song Lộc	0,60	0,60	0,60	0,00	700,00	Xổ số kiến thiết 2018	xã Song Lộc	Phòng GDĐT	Nhu cầu ngành	
13	Bồi thường, GPMB Trường Mẫu giáo Sơn Ca (điểm Ôkada), xã Phước Hảo	0,03	0,00	0,00	0,00	30,00	Xổ số kiến thiết 2018	xã Phước Hảo	Phòng GDĐT	Nhu cầu ngành	
14	Xuất tuyến trạm biến áp 220kv Trà Vinh 2 (đầu nối đường dây Vũng Liêm – Long Đức)	0,62	0,56	0,56	0,00	1.116,00	Vốn EVN		Tổng Cty Điện lực miền Nam	Nhu cầu ngành	
15	Sân vận động xã Long Hòa	0,66	0,53	0,53	0,00	1.200,00	Ngân sách	xã Long Hòa	UBND xã Long Hòa	Nhu cầu địa phương	
16	Nghĩa trang nhân dân xã Long Hòa	0,44	0,16	0,16	0,00	500,00	Ngân sách	xã Long Hòa	UBND xã Long Hòa	Nhu cầu địa phương	
17	Nhà Văn hóa ấp Đa Cản, xã Hòa Thuận	0,04	0,00	0,00	0,00	50,00	Ngân sách	xã Hòa Thuận	UBND xã Hòa Thuận	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 05/12/2014	Đổi tên (cũ là Trụ sở ấp)

18	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Hưng Mỹ	0,32	0,00	0,00	0,00	240,00	Ngân sách	xã Hưng Mỹ	UBND xã Hưng Mỹ	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND	31/NQ-HĐND là 0.26 ha, 300 Tr (tăng 0.07 ha)
V	Huyện Duyên Hải	28,34	1,21	0,57	0,64	181.533,40					
1	Chợ xã Long Khánh	0,30	0,00	0,00	0,00	10.000,00	Ngân sách	xã Long Khánh	Phòng Kinh tế hạ tầng huyện	Nghị quyết 10/NQ-HĐND huyện Duyên Hải ngày 21/7/2017	
2	Trường mẫu giáo ấp Trà Khúch	0,20	0,00	0,00	0,00	400,00	Ngân sách	Xã Ngũ Lạc	Phòng giáo dục, đào tạo	Nhu cầu địa phương	
3	Đường đaml ấp Hồ Tàu (đi ra Hải Đăng)	0,10	0,00	0,00	0,00	200,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	UBND xã Đông Hải	Nhu cầu địa phương	
4	Đường nhựa ấp Động Cao (nhà bà Hồng Thị Ánh đến giáp xã Dân Thành)	1,25	0,00	0,00	0,00	2.500,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	UBND xã Đông Hải	Nhu cầu địa phương	
5	Đường nhựa ấp Hồ Thùng (giáp xã Dân Thành)	1,37	0,00	0,00	0,00	1.300,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	Phòng Kinh tế hạ tầng huyện	Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 21/7/17 của HĐND huyện	Gọi tắt Nghị quyết 10/NQ-HĐND
6	Nạo vét Kênh Thai Rai	3,10	0,00	0,00	0,00	6.200,00	Ngân sách	Xã Ngũ Lạc	SNNPTNT	Nhu cầu cấp tỉnh	
7	Nâng cấp đường nhựa ấp Cồn Cù	0,36	0,00	0,00	0,00	720,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	UBND xã Đông Hải	Nhu cầu địa phương	
8	Đường số 2 Tân Thành (Quốc lộ 53 đến lộ 4)	0,16	0,00	0,00	0,00	1.100,00	Nông thôn mới	Xã Long Khánh	UBND xã Long Khánh	Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 21/7/17 của HĐND huyện	Gọi tắt Nghị quyết 09NQ-HĐND
9	Đường đaml ấp Cái Cỏ	0,20	0,00	0,00	0,00	3.000,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nghị quyết 10/NQ-HĐND	
10	Đường đaml Kinh Đào (nhà bà Ý đến nhà ông Thạch Cấn)	0,42	0,00	0,00	0,00	1.500,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nghị quyết 10/NQ-HĐND	
11	Đường đaml Tà Nị điểm đầu QL 53 điểm cuối nhà 6 Sĩ	0,76	0,00	0,00	0,00	1.520,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nhu cầu địa phương	
12	Đường đaml Cái Cỏ (nhà ông Ngọt đến Vàm mươn Bà thôn)	0,87	0,00	0,00	0,00	1.740,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nhu cầu địa phương	
13	Đường đaml Cái Cỏ (trường Tiểu học đến sân vận động)	0,17	0,00	0,00	0,00	340,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nhu cầu địa phương	

14	Đường nhựa (Hà Văn Lang đến rạch Cái cò)	1,77	0,00	0,00	0,00	3.540,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	UBND xã Long Vĩnh	Nhu cầu địa phương	
15	Nâng cấp đường nhựa trung tâm xã Long Vĩnh	0,72	0,00	0,00	0,00	2.000,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 10/NQ-HĐND	
16	Trạm kiểm lâm huyện Duyên Hải	0,15	0,00	0,00	0,00	390,00	Ngân sách	xã Long Vĩnh	Chi cục kiểm lâm	Nhu cầu ngành	
17	Mở rộng UBND xã Ngũ Lạc	0,15	0,00	0,00	0,00	85.000,00	Ngân sách	Xã Ngũ Lạc	UBND huyện	Nghị quyết 10/NQ-HĐND	
18	Trường mẫu giáo Đông Hải	0,35	0,35	0,00	0,35	7.000,00	Vốn tài trợ	Xã Đông Hải	Phòng giáo dục, đào tạo	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
19	Trường tiểu học Long Khánh	0,10	0,00	0,00	0,00	300,00	Ngân sách	Xã Long Khánh	Phòng giáo dục, đào tạo	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
20	Trường tiểu học Đôn Xuân B	0,16	0,16	0,16	0,00	400,00	Ngân sách	Xã Đôn Xuân	Phòng giáo dục, đào tạo	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
21	Đường đaml áp La Bang Kinh	0,48	0,00	0,00	0,00	600,00	Ngân sách	Xã Đôn Châu	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
22	Đường đaml phục vụ sản xuất xã Đôn Châu	0,39	0,00	0,00	0,00	1.000,00	Ngân sách	Xã Đôn Châu	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
23	Đường đaml Tà Rom B 1 (Đường nhựa - kênh thủy lợi)	0,20	0,00	0,00	0,00	500,00	Ngân sách	Xã Đôn Châu	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
24	Đường đaml Tà Rom B 2 (Đường nhựa - Nhà Kim Ninh)	0,11	0,00	0,00	0,00	700,00	Ngân sách	Xã Đôn Châu	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
25	Đường nhựa áp Cóc Lách 1	0,20	0,00	0,00	0,00	900,00	Vốn tài trợ	Xã Đôn Châu	Nhu cầu địa phương	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
26	Đường đaml áp Bà Nhi	0,08	0,00	0,00	0,00	600,00	Nông thôn mới	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
27	Đường đaml Giồng Súa Đừa	0,30	0,00	0,00	0,00	750,00	Chương trình 135	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
28	Đường đaml Lộ Sỏi A	0,18	0,00	0,00	0,00	1.100,00	Nông thôn mới	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
29	Đường đaml phục vụ sản xuất xã Đôn Xuân	0,15	0,05	0,05	0,00	1.200,00	Ngân sách	Xã Đôn Xuân	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	

30	Đường đanl áp Xóm Tộ (Thạch Rim-TL914)	0,17	0,00	0,00	0,00	750,00	Chương trình 135	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
31	Đường nhựa Bà Giem A (Trụ sở áp - Nhà ông Tà Huỳnh Luốt)	0,21	0,04	0,04	0,00	1.000,00	Nông thôn mới	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
32	Đường nhựa GTNT áp Xóm Tộ - Quán Âm	0,30	0,00	0,00	0,00	1.200,00	Ngân sách	Xã Đôn Xuân	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
33	Đường đanl áp Phước Thiện (từ đường tránh bãi rác - nhà bà Đặng Thị Xưa)	0,10	0,10	0,00	0,10	700,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
34	Đường đanl nối dài đường cầu nhỏ áp Hồ Tàu (nhà ông Sáng - nhà ông Ba Kịch)	0,20	0,05	0,00	0,05	1.907,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
35	Đường đanl phục vụ sản xuất xã Đông Hải	0,40	0,00	0,00	0,00	1.000,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
36	Đường đanl vào nông trường Giồng Sọ, áp Cồn Cù	0,18	0,00	0,00	0,00	1.575,00	Ngân sách	Xã Đông Hải	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
37	Đường đanl áp Vĩnh Khánh (Đất ông Trương Văn Mẫn - kinh Nguyễn Văn Phò)	1,01	0,00	0,00	0,00	3.000,00	Ngân sách	Xã Long Khánh	UBND xã	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
38	Đường đanl Tân Thành (đường đan Cây Dá - sông Mương Khai)	0,36	0,06	0,00	0,06	590,40	Ngân sách	Xã Long Khánh	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
39	Đường đanl Tân Thành (đường đan Cây Dá - sông Mương Thỏ)	0,30	0,08	0,00	0,08	492,00	Ngân sách	Xã Long Khánh	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
40	Đường lộ 2 áp Cái Đồi	0,07	0,00	0,00	0,00	1.000,00	Ngân sách	Xã Long Khánh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
41	Đường đanl áp Giồng Bàn (Xóm Cùi)	0,60	0,00	0,00	0,00	1.100,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
42	Đường đanl Cái Cối - Xẻo Bọng 1	0,40	0,00	0,00	0,00	1.000,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
43	Đường đanl Cái Cối - Xẻo Bọng 2	0,35	0,00	0,00	0,00	1.549,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
44	Đường nhựa áp Kênh Đào - Cái Cối	0,30	0,00	0,00	0,00	1.200,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	

45	Đường đaml công số 1	0,66	0,00	0,00	0,00	2.000,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
46	Đường đaml GTNT ấp Mế Láng - sông Giồng Ôi	2,08	0,00	0,00	0,00	3.000,00	Ngân sách	Xã Ngũ Lạc	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
47	Đường đaml phục vụ sản xuất xã Ngũ Lạc	0,42	0,32	0,32	0,00	2.000,00	Ngân sách	Xã Ngũ Lạc	Phòng KTHT huyện	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
48	Đường nhựa ấp Sóc Ót 2	0,10	0,00	0,00	0,00	1.000,00	Vốn tài trợ	Xã Ngũ Lạc	UBND xã Ngũ Lạc	Nghị quyết 09/NQ-HĐND	
49	Sân vận động xã Long Vĩnh	2,15	0,00	0,00	0,00	2.150,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	HS huyện	Nhu cầu địa phương	
50	Nghĩa trang nhân dân xã Long Vĩnh	2,15	0,00	0,00	0,00	4.300,00	Ngân sách	Xã Long Vĩnh	Sở LĐTBXH	Nhu cầu địa phương	
51	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (Cóc Lách 1, Cóc Lách Sa Vang, kênh T19)	1,05	0,00	0,00	0,00	2.100,00	Dự án LRAMP	Xã Đôn Châu	BQL dự án ĐT XD các Công trình giao thông tỉnh	Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 08/12/17 của HĐND tỉnh	Sở GT bổ sung
52	Cầu Cóc Lách 1	0,01	0,00	0,00	0,00	3.350,00	Trung ương	Xã Đôn Châu	BQLDA 6	Công văn số 3897/TCĐB-CQLXDĐB ngày 29/6/2017	Sở GT bổ sung
53	Cầu Kênh T19	0,01	0,00	0,00	0,00	3.350,00					
54	Cầu Cóc Lách Sa Vang	0,01	0,00	0,00	0,00	3.720,00					
VI	Thị xã Duyên Hải	35,39	0,92	0,72	0,20	64.046,00					
1	Thư viện thị xã Duyên Hải	1,50	0,00	0,00	0,00	2.700	Ngân sách	Phường 1	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Phường 1
2	Đường phố chính đô thị (đường vành đai đến Tỉnh lộ 913)	25,20	0,00	0,00	0,00	45.360	Ngân sách	Phường 2	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Phường 2
3	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa cấp kênh nội đồng ấp 15, 17	0,60	0,00	0,00	0,00	1.080	Ngân sách	xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	xã Long Hữu
4	Đường Đâu Giồng nối dài đến xã Ngũ Lạc	0,09	0,00	0,00	0,00	162	Ngân sách	xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	xã Long Hữu
5	Đường từ TL 914 giáp đường nhựa 14,16 (3 Hoành)	0,30	0,00	0,00	0,00	540	Ngân sách	xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu ngành	xã Long Hữu
6	Đường nhựa ấp Chợ (Thửa 156 đến thửa 125 tờ 2)	0,96	0,00	0,00	0,00	1.728	Ngân sách	xã Hiệp Thạnh	UBND TXDH	Nhu cầu ngành	xã Hiệp Thạnh
7	Nạo vét, mở rộng đường sông Cồn Ông - Cồn Cù	0,15	0,00	0,00	0,00	270	Ngân sách	xã Dân Thành	UBND TXDH	Nhu cầu ngành	xã Dân Thành

8	Hạng mục kê bảo vệ bến phà Kênh Tắt - Dự án ĐTXD công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu	0,25	0,00	0,00	0,00	450	Ngân sách	xã Long Toàn	BQL DAHH3	Nhu cầu ngành	
9	Nâng cấp, mở rộng đường dal Mù U - Giồng Thín	2,10	0,00	0,00	0,00	3.780	Ngân sách	xã Dân Thành	UBND TXDH	Nhu cầu ngành	xã Dân Thành
10	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 913 - đê biển	0,41	0,00	0,00	0,00	738	Ngân sách	xã Dân Thành	Sở GTVT	Nhu cầu ngành	xã Dân Thành
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Láng Cháo	0,05	0,00	0,00	0,00	110	Ngân sách	xã Dân Thành	UBND xã	Nhu cầu địa phương	Ấp Láng Cháo
12	NTND xã Long Hữu (NC, MR nghĩa địa)	0,40	0,00	0,00	0,00	880	Ngân sách	xã Long Hữu	UBND xã	Nhu cầu ngành	xã Long Hữu
13	NTND xã Dân Thành (NC, MR nghĩa địa)	0,41	0,00	0,00	0,00	902	Ngân sách	xã Dân Thành	UBND xã	Nhu cầu ngành	xã Dân Thành
14	Trường Mẫu Giáo Dân Thành	0,40	0,00	0,00	0,00	720	Doanh nghiệp	xã Dân Thành	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	xã Dân Thành
15	Đường đanl	0,20	0,00	0,00	0,00	360	Ngân sách	Xã Dân Thành	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Từ trụ sở Cồn Ông đến xóm Giồng Dài
16	Đường nhựa	0,67	0,20	0,00	0,20	1.206	Ngân sách	Xã Dân Thành	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Cấp sóng Long Toàn
17	Đường nhựa	0,73	0,00	0,00	0,00	1.314	Ngân sách	Xã Trường LH	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Từ ấp Nhà Mát đến ấp Khoán Tiền
18	Đường đanl	0,10	0,00	0,00	0,00	180	Ngân sách	Xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Từ ấp TL914 đến ấp 16
19	Đường đanl	0,28	0,28	0,28	0,00	504	Ngân sách	Xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Từ QL 53 đến ấp 12
20	Đường đanl	0,15	0,00	0,00	0,00	270	Ngân sách	Xã Long Toàn	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Từ HL 81 đến đường nhựa C16
21	Trạm y tế xã Long Hữu	0,44	0,44	0,44	0,00	792	NSDP	xã Long Hữu	UBND TXDH	Nhu cầu địa phương	Thửa 82 tờ 21
VII	Huyện Tiểu Cần	50,20	31,52	31,52	0,00	110.163,80					
1	Mở rộng trường THPT Cầu Quan: (hạng mục bồi hoàn)	0,17	0,00	0,00	0,00	500,00	NS huyện	Thị trấn Cầu Quan		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
2	Nâng cấp mở rộng đường Rạch trại ghe hầu	0,07	0,00	0,00	0,00	1.000,00	NS huyện	Thị trấn Cầu Quan		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
3	Bến phà thị trấn Cầu Quan	0,04	0,00	0,00	0,00	250,00	NS tỉnh	Thị trấn Cầu Quan		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
4	Trường THCS thị trấn Tiểu Cần	1,00	1,00	1,00	0,00	3.500,00	NS huyện	Thị trấn Tiểu Cần		Nhu cầu địa phương	
5	Mở rộng QL60, Nâng cấp vỉa hè, XD hệ thống thoát nước (Ngã năm - Cống Cây Hẹ)	0,30	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Thị trấn Tiểu Cần		NQ 15/2015/NQ-HĐND tỉnh	Dân hiến đất

6	Đường GTNT nhóm 2, TT Tiểu Cần (cấp bệnh viện cũ)	0,13	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Thị trấn Tiểu Cần		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	Dân hiến đất
7	Đường Đal GTNT nhóm 2, TT Tiểu Cần (cấp Đình Thần)	0,03	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Thị trấn Tiểu Cần		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	Dân hiến đất
8	Giao đất cho nhà đầu tư Dự án Đường Võ Thị Sáu nối dài (mỗi bên 30m)	4,50	3,00	3,00	0,00	15.300,00	Kêu gọi PP	Thị trấn Tiểu Cần, xã Phú Cần		Nhu cầu địa phương	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
9	Đường Võ Thị Sáu nối dài	1,08	0,93	0,93	0,00	3.672,00	Kêu gọi PP	TT. Tiểu Cần, Xã Phú Cần		Nhu cầu địa phương	
10	Đường GTNT ấp Cây Gòn xã Hiếu Trung (điểm đầu từ nhà bà Thủy đến điểm cuối trụ sở ấp Cây Gòn)	0,10	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Hiếu Trung		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
11	Lộ GTNT từ nhà ông Thắm đến giáp đường Đal ấp Cây Gòn	0,42	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Hiếu Trung		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
12	Nạo vét kênh Phú Thọ - Nhà Thờ (thu hồi đất phần bãi chứa)	2,00	0,00	0,00	0,00	4.000,00	NS tỉnh	Xã Hiếu Trung, xã Phú Cần		Phòng NT&NN đăng ký	
13	Đường GTNT ấp Chợ, xã Hiếu Từ (điểm đầu đường GTNT ấp Chợ đến điểm cuối kinh 19/5)	0,85	0,44	0,44	0,00		Dân hiến đất	Xã Hiếu Từ		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
14	Mở rộng lộ GTNT ấp Ô Trao (từ công ấp văn hóa Ô Trao đến cầu Ô Trôm)	0,18	0,18	0,18	0,00		Đất công	Xã Hiếu Từ		Nhu cầu địa phương	Kế hoạch 2018
15	Giao đất cho nhà đầu tư Dự án Đường tránh QL 60 (mỗi bên 30m)	19,00	15,00	15,00	0,00	31.160,00	Kêu gọi PPP	Xã Hiếu Từ, xã Phú Cần		Nhu cầu địa phương	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
16	Đường Từ Ô 2 đến ấp Kinh (Vốn AMD và NTM)	0,07	0,03	0,03	0,00	114,80	NS tỉnh	Xã Hùng Hòa		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
17	Đường, cầu GTNT Ấp Từ Ô 1, xã Hùng Hòa (điểm đầu từ nhà ông Vũ đến điểm cuối nhà bà Hai Hùng)	0,07	0,00	0,00	0,00	14,00	NS tỉnh	Xã Hùng Hòa		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
18	Đường nhựa từ cầu 7 Quán đến giáp lộ nhựa ấp Từ Ô 2	0,50	0,20	0,20	0,00	820,00	NS tỉnh	Xã Hùng Hòa		Nhu cầu địa phương	
19	Đường Giồng Giữa (phần còn lại của dự án AMD)	0,04	0,00	0,00	0,00	80,00	Dự án AMD	Xã Long Thới		Nhu cầu địa phương	
20	Đường GTNT ấp Trinh Phụ - Cầu Tre, xã Long Thới	0,80	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Long Thới		Nhu cầu địa phương	Dân hiến đất
21	Đường GTNT các ấp (Ngãi Hưng, Ngãi Chánh A, B)	0,12	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Ngãi Hùng		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
22	Đường GTNT các ấp Chánh Hội B (nhà hai Mục đến giáp ranh ấp Chánh Hội A)	0,15	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Ngãi Hùng		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
23	Trạm nước sạch xã Ngãi Hùng	0,30	0,00	0,00	0,00	800,00	NS tỉnh	Xã Ngãi Hùng		Nhu cầu ngành	

24	Nạo vét kênh 3/2 (thu hồi đất phần bãi chứa)	2,00	0,00	0,00	0,00	4.000,00	NS tỉnh	Xã Ngải Hùng		Phòng NT&NN đăng ký	
25	QH Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Tiểu Cần	10,00	7,29	7,29	0,00	40.000,00	NS huyện	Xã Phú Cần		Kế hoạch 2018	
26	Đất nhà quản lý trạm bơm	0,10	0,00	0,00	0,00	200,00	UBND xã	Xã Phú Cần	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
27	Đường tránh Quốc lộ 60	2,70	2,21	2,21	0,00	4.428,00	Kêu gọi PPP	Xã Phú Cần, Xã Hiếu Tử		Nhu cầu địa phương	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
28	Đường Đal áp Cần Tiêu	0,26	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Tân Hòa		Nhu cầu địa phương	
29	Đường Đal liên ấp Cao Một - Sóc Dừa - Cần Tiêu	0,29	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Tân Hòa		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
30	Đường GTNT (từ Thái Thành Hủ giáp Cầu bà Đậu 2)	0,12	0,00	0,00	0,00		Dân hiến đất	Xã Tân Hòa		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
31	Nhà văn hóa ấp Cao Một	0,02	0,00	0,00	0,00	50,00	NS huyện	Xã Tân Hòa		Nhu cầu địa phương	UBND xã đăng ký
32	Công viên Mũi Tàu xã Tân Hòa	0,08	0,00	0,00	0,00		Đất công	Xã Tân Hòa		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
33	Đường nhựa cầu 2 Lượn - Lộ Hàng Còng	0,87	0,26	0,26	0,00		Dân hiến đất	Xã Tân Hùng		Nhu cầu địa phương	
34	Nhà văn hóa ấp Trung Tiến	0,08	0,00	0,00	0,00	200,00	NS huyện	Xã Tân Hùng		Nhu cầu địa phương	Đang xin chủ trương
35	Nhà văn hóa ấp Nhì	0,03	0,00	0,00	0,00	75,00	NS huyện	Xã Tân Hùng		Nhu cầu địa phương	Đang xin chủ trương
36	Công viên mũi tàu ấp Chợ, xã Tân Hùng	0,05	0,00	0,00	0,00		Đất công	Xã Tân Hùng		NQ 14/NQ-HĐND (21/07/2017)	
37	Đường GTNT từ tỉnh lộ 912 đến lộ nhựa ấp Xóm Chòi	0,78	0,68	0,68	0,00		Dân hiến đất	Xã Tập Ngãi		Nhu cầu địa phương	
38	Đường GTNT từ tỉnh lộ 912 đến lộ nhựa ấp Ông Xây	0,90	0,30	0,30	0,00		Dân hiến đất	Xã Tập Ngãi		Nhu cầu địa phương	
VIII	Huyện Trà Cú	18,88	18,88	18,88	0,00	3.650,00					
1	Nhà văn hóa nhóm 1, nhóm 4, nhóm 7, thị trấn Định An	0,06	0,06	0,06	0,00	100,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Định An	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
2	Nhà văn hóa nhóm 1, nhóm 5, nhóm 6, thị trấn Trà Cú	0,18	0,18	0,18	0,00	300,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	

3	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Bến Thanh, xã Định An	0,06	0,06	0,06	0,00	100,00	Ngân sách huyện	Xã Định An	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
4	Đường nhựa khóm 4 (từ đường 3/2 đến đường tránh Quốc lộ 53)	6,75	6,75	6,75	0,00	300,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
5	Đường Hai Bà Trưng nổi dài, khóm 4 thị trấn Trà Cú	7,2	7,20	7,20	0,00	350,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
6	San lấp mặt bằng hai bên đập sông Trà Cú (đoạn từ UBND huyện đến Huyện ủy)	0,4	0,40	0,40	0,00		Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	Quỹ đất công
7	San lấp mặt bằng khu dân cư khóm 5, thị trấn Trà Cú (rạch Trà Cú)	1,0	1,00	1,00	0,00		Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	Quỹ đất công
8	Nâng cấp, mở rộng đường 3 tháng 2 (đoạn từ cửa hàng Honda đến đường Bệnh viện, thị trấn Trà Cú)	0,75	0,75	0,75	0,00		Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	Quỹ đất công
9	Đường nhựa khóm 3 (đoạn từ đầu đường Mậu Thân nối tiếp đường nhựa khóm 1), thị trấn Trà Cú	0,27	0,27	0,27	0,00	500,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
10	Đường nhựa khóm 1, thị trấn Định An	0,15	0,15	0,15	0,00	200,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Định An	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Bảy Xào Chót, ấp Xoài Rùm, xã Kim Sơn	0,12	0,12	0,12	0,00	200,00	Ngân sách huyện	Xã Kim Sơn	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Bảy Xào Dơi A, ấp Bảy Xào Dơi B, xã Kim Sơn	0,12	0,12	0,12	0,00	200,00	Ngân sách huyện	Xã Kim Sơn	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Trà Cú B, ấp Thanh Xuyên, xã Kim Sơn	0,12	0,12	0,12	0,00	200,00	Ngân sách huyện	Xã Kim Sơn	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
14	Trạm Y tế thị trấn Định An	0,2	0,20	0,20	0,00		Đất công	Thị trấn Định An	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	Quỹ đất công
15	Xây dựng mới Chợ Ngãi Xuyên, xã Ngãi Xuyên	0,6	0,60	0,60	0,00	600,00	Ngân sách huyện	Xã Ngãi Xuyên	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Ba Tục A, xã Thanh Sơn	0,6	0,60	0,60	0,00	100,00	Ngân sách huyện	Xã Thanh Sơn	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
17	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Trà Kha, Giồng Đình, Giồng Lớn A, xã Đại An	0,18	0,18	0,18	0,00	300,00	Ngân sách huyện	Xã Đại An	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
18	Nhà văn hóa ấp Dầu Đồi, ấp Chợ, xã An Quảng Hữu	0,12	0,12	0,12	0,00	200,00	Ngân sách huyện	Xã An Quảng Hữu	UBND huyện Trà Cú	NQ HĐND tỉnh	
IX	Thành phố Trà Vinh	20,90	8,66	8,66	0,00	153.983,40					

1	Dự án Trường Tiểu học phường 6	1,09	0,00	0,00	0,00	3.300,00	Vốn PPP	Phường 6	Nhà Đầu tư	NQ số 22 của HDND tỉnh	Chưa xác định được DT đất trồng lúa và kinh phí thực hiện GPMB
2	Dự án Trung tâm Văn hóa thành phố Trà Vinh	3,60	0,00	0,00	0,00	10.080,00	Vốn PPP	Phường 7	Nhà Đầu tư	Dự kiến bổ sung vào NQ	Chưa xác định được DT đất trồng lúa và kinh phí thực hiện GPMB
3	Đường 135 (khóm 5, phường 9)	0,28	0,06	0,06	0,00	0,00	Ngân sách TP	Phường 9		Nhu cầu địa phương	Đất dân hiến
4	Tuyến đường Nguyễn Hoà Lương nối dài	0,38	0,19	0,19	0,00	1.900,00	Ngân sách TP	Phường 1		Nhu cầu địa phương	
5	Tuyến đường cấp kênh, phường 1	0,58	0,00	0,00	0,00	0,00	Ngân sách TP	Phường 1		Nhu cầu địa phương	Đất dân hiến
6	Tuyến đường cấp cây xăng Bội Ngọc	0,58	0,00	0,00	0,00	0,00	Ngân sách TP	Phường 1		Nhu cầu địa phương	Đất dân hiến
7	Nâng cấp đường từ D5 đến Kinh Kiên Sước	0,14	0,00	0,00	0,00	0,00	Ngân sách TP	Phường 5		Nhu cầu địa phương	Đất dân hiến
8	Cầu Khém	0,20	0,00	0,00	0,00	6.840,00	Trung ương	Long Đức		Công văn số 3897/TCĐB-CQLXDĐB ngày 29/6/2017	SGT
9	Trạm xe trung chuyển	0,43	0,00	0,00	0,00	800,00	Ngân sách TP	Phường 7		Nhu cầu địa phương	Đất công một phần
10	Đường N16 (Nối Thạch Ngọc Biên - Mậu Thân)	2,34	0,00	0,00	0,00	9.360,00	Ngân sách TP	Phường 9		Nhu cầu địa phương	
11	Đường Làng nghề phường 4	0,24	0,08	0,08	0,00	0,00	Ngân sách TP	Phường 4		Nhu cầu địa phương	Đất dân hiến
12	Đường quanh bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh	2,86	2,78	2,78	0,00	17.160,00	Ngân sách	Phường 7		Nhu cầu địa phương	
13	Bờ kè sông Long Bình (trên đất bãi bồi, từ cầu Long Bình đến cống Điệp Thạch)	0,25	0,00	0,00	0,00	1.250,00	Ngân sách	Phường 5		Nhu cầu địa phương	
14	Mở rộng Đền thờ Bác	5,28	4,55	4,55	0,00	10.400,00	Ngân sách	Xã Long Đức		Nhu cầu ngành	Đăng ký mới năm 2018 (mở rộng về hướng nam)
15	Nhà tang lễ thành phố Trà Vinh (BTTH - GPMB - Tờ BĐ số 23)	0,39	0,00	0,00	0,00	975,00	Ngân sách TP	Phường 9		Nhu cầu ngành	

16	Nhà tang lễ thành phố Trà Vinh (BTTH - GPMB, Tờ BD 63, thửa số 1, lấy từ đất nghĩa địa)	0,32	0,00	0,00	0,00	678,40	Ngân sách TP	Phường 9		Nhu cầu ngành	Đất nghĩa địa
17	Quy hoạch khu vui chơi giải trí ấp Vĩnh Yên	0,12	0,00	0,00	0,00	240,00	Ngân sách TP	Xã Long Đức		Nhu cầu ngành	
18	Đất công viên quanh 4 tuyến đường khu vực Hồ điều hòa	1,82	1,00	1,00	0,00	91.000,00	Ngân sách	Phường 7		Nhu cầu ngành	
X	Công trình Liên huyện	0,71	0,71	0,71	0,00	1.301,20					
1	Đường dây 110kV Cầu Kè - Trà Cú - Duyên Hải	0,71	0,71	0,71	0,00	1.301,20	Vốn vay ngân hàng Tái thiết Đức(KFW)	Cầu Kè, Duyên Hải		Cầu Kè theo NQ 25 là 0,27 ha, không có đất lúa	Cầu Kè Tăng diện tích 0,06 ha và có 0,3 ha đất trồng lúa (CKè 0,33 ha; Duyên Hải 0,38 ha)
B	Các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác		21,00	17,51	3,49						
I	Huyện Cầu Kè		0,28	0,28	0,00						
1	Công ty TNHH dệt may Dandj		0,28	0,28	0,00		Công ty	Xã Hòa Ân			
II	Huyện Châu Thành		9,17	9,17	0,00						
1	Công ty May Cường Tài		8,07	8,07	0,00		Vốn Doanh nghiệp	xã Lương Hòa	Công ty May Cường Tài		Tổng diện tích sử dụng là 10 ha
2	Trang trại nuôi gà		0,80	0,80	0,00		Vốn Doanh nghiệp	xã Hòa Lợi			
3	Trang trại nuôi gà		0,30	0,30	0,00		Vốn Doanh nghiệp	xã Hòa Lợi			
III	Thị xã Duyên Hải		3,49	0,00	3,49						
1	Bến thủy nội địa		3,49	0,00	3,49		Doanh nghiệp	Xã Dân Thành	Tổ chức kinh tế		
IV	Huyện Tiểu Cần		8,06	8,06	0,00						
1	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân		0,90	0,90	0,00			9 xã			
2	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân		0,60	0,60	0,00			2 thị trấn			
3	Công ty TNHH chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Tân Hòa (chuyển từ đất ONT+CLN sang đất SXKD)		0,83	0,83	0,00			Xã Tân Hòa			
4	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn của hộ gia đình, cá nhân		1,80	1,80	0,00			9 xã			

5	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị của hộ gia đình, cá nhân		1,20	1,20	0,00			2 thị trấn			
6	Giao cho Tỉnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam - Hội quán Hưng Phú Tự		1,28	1,28	0,00		Dân hiến đất	Xã Hiếu Trung			Tổng diện tích sử dụng là 1,30 ha
7	Giao cho Tỉnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam - Hội quán Hưng Phú Tự		1,45	1,45	0,00		Dân hiến đất	Xã Hiếu Trung			Tổng diện tích sử dụng là 1,50 ha

Handwritten mark